TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:41/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 22/11/2021
"V/v ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thu

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Tân

2. Bà Ngô Thị Thời

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Quang Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 307/2021/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2021 về việc "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2021/QĐST – HNGĐ ngày 05/11/2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Đoàn Thị H, sinh năm 1994

ĐKHKTT: Khu T, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Trú tại: Khu V, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn**: Anh Lưu Trung D, sinh năm 1992

ĐKHKTT; trú tại: Khu T, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

***Người làm chứng**:

- Ông Đoàn Văn C, sinh năm 1963 và bà Vũ Thị N, sinh năm 1964

Địa chỉ: Khu V, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

- Ông Lưu Bá T (bố đẻ anh D)

Địa chỉ: Khu T, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị

Đoàn Thị H trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Chị và anh D kết hôn với nhau vào năm 2012 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, thành phố H, tỉnh Hải Dương (Nay là phường A, thành phố H). Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng bố đẻ anh D tại khu T, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng hơn 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh D không chịu làm ăn, không có công việc ổn định, không cùng chị xây dựng kinh tế gia đình mà thường xuyên chơi bời qua đêm không về nhà, có lần anh D đi chơi 2 đến 3 ngày mới về nhà và có quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm đến chị và con. Bản thân chị H nhiều lần khuyên bảo anh D nhưng anh D không thay đổi, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh D nhiều lần đánh chị, không liên lạc với chị. Từ khoảng tháng 5 năm 2021 đến nay chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại Khu V, phường A, thành phố Hải Dương sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh D không lần nào gọi điện, nhắn tin, đến tìm chị hay nhờ hai bên gia đình hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Nay chị xét thấy tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh D. Chị H xác định anh D hiện vẫn đang sinh sống cùng bố đẻ tại khu T, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Việc chị làm đơn xin ly hôn anh D đã biết nhưng cố tình không đến Tòa án làm việc nhằm gây khó khăn cho chị trong việc giải quyết ly hôn chứ thực chất giữa chị và anh D không còn tình cảm vợ chồng.

- **Về con chung**: Vợ chồng có 01 con chung là Lưu Gia H, sinh ngày 28/10/2014. Hiện nay cháu H đang ở với chị. Quan điểm của chị H xin nhận nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm công nhân tại Công ty TNHH may mặc M tại xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương và bán hàng online thêm tại nhà, thu nhập bình quân khoảng 10.000.000đ/tháng, đủ khả năng nuôi con. Về chỗ ở hiện nay chị đang ở nhà cùng bố mẹ đẻ, bố mẹ đẻ chị sẽ tạo điều kiện để chăm sóc con cho chị khi chị đi làm.

- **Về tài sản chung, nợ chung**: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lưu Trung D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa trình bày quan điểm.

Người làm chứng ông Lưu Văn T (bố đẻ anh D) trình bày:

Chị H và anh D kết hôn với nhau vào năm 2012, sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng ông tại địa chỉ Khu T, phường A, thành phố H. Quá trình chung sống chị H thường xuyên ghen tuông với anh D, sau đó tự ý bế con bỏ nhà đi, sự việc này diễn ra nhiều lần. Bên cạnh đó chị H còn không chịu khó làm ăn chăm lo cho gia đình. Khi về nhà bố mẹ đẻ ở chị H có xin phép ông, ông có hỏi nguyên nhân vì sao thì chị H chỉ nói do chị và anh D không hợp nhau. Nay chị H xin ly hôn anh D quan điểm của ông Thế tùy thuộc vào quyết định của anh chị ấy.

Ông T xác định quá trình chung sống anh D, chị H có 01 con chung là Lưu Gia H, sinh ngày 28/10/2014. Hiện nay cháu H đang ở cùng chị H. Ông T có nguyện vọng đề nghị Tòa án giao con cho anh D nuôi dưỡng, vợ chồng ông sẽ

chăm sóc con cho anh D khi anh D đi làm.

Anh D hiện vẫn đang sinh sống cùng ông tại địa chỉ khu T, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Tòa án giao giấy tờ cho anh D, ông không muốn liên quan nên không nhận thay anh D.

Người làm chứng bà Vũ Thị N và ông Đoàn Văn C (là bố mẹ đẻ chị H) trình bày:

Ông bà là mẹ đẻ chị H và là bố mẹ vợ anh D. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H, anh D là do anh D không chịu làm ăn, chơi bời, không quan tâm đến gia đình vợ con. Từ khi chị H sinh con vào năm 2014, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, chị H nhiều lần bỏ về nhà ở cùng vợ chồng ông bà sau đó gia đình ông bà khuyên giải thì chị H lại quay về chung sống cùng anh D nhưng chỉ được thời gian ngắn thì vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, có lần anh D còn xuống tận nhà ông bà để đánh chị H và có những lời nói xúc phạm đến vợ chồng ông bà. Từ tháng 5 năm 2021 đến nay chị H về ở hẳn với vợ chồng ông bà, anh D không lần nào đến tìm chị H về chung sống. Ông bà nhiều lần khuyên bảo chị H về chung sống cùng anh D nhưng chị H không về. Nay chị H xin ly hôn anh D, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn để chị H ổn định cuộc sống.

Xác minh với ông Lưu Văn T (trưởng khu) và bà Trần Thị T (chi hội trưởng hội phụ nữ khu) trình bày: Anh D, chị H kết hôn với nhau vào năm 2012. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như nào địa phương không nắm được vì khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng anh D, chị H không báo cáo gì với khu đề nghị hòa giải. Nay chị H xin ly hôn anh D, quan điểm của khu đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xác minh với công an phường A xác định: Qua theo dõi tình hình công dân đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại địa phương hiện nay anh D vẫn ĐKHKTT và cư trú tại Khu T, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Tại phiên toà nguyên đơn chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh D; Về con chung: Chị H xin nhận nuôi con Lưu Gia H, sinh ngày 28/10/2014 và tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Viết tắt: BLTTDS). Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 238, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 -12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Đoàn Thị

H ly hôn anh Lưu Trung D; Về quan hệ con chung: Giao cho chị Đoàn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lưu Gia H, sinh ngày 28/10/2014 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở; Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết; Về án phí: Chị Đoàn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng**: Bị đơn anh Lưu Trung D hiện đang sinh sống tại địa chỉ khu T, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố Hải Dương.

Trong suốt quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh D tại địa chỉ nêu trên nhưng anh D cố tình không đến Tòa án trình bày quan điểm, tham gia tố tụng tại phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án mà không có lý do chính đáng. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Những người làm chứng ông T, bà N, ông C vắng mặt tại phiên tòa, đã có lời khai trực tiếp với Tòa án. Căn cứ khoản khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] **Về quan hệ hôn nhân**: Chị Đoàn Thị H và anh Lưu Trung D kết hôn năm 2012 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố H (nay là phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương) là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Chị H nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở sau đó lai quay lại chung sống cùng anh D nhưng chỉ được thời gian ngắn sau đó vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn. Từ khoảng tháng 5 năm 2020 đến nay chị H đã về nhà bố mẹ đẻ tại khu V, phường A, thành phố H sinh sống. Từ khi chị H về nhà bố mẹ đẻ ở, anh D không lần nào đến tìm chị H về chung sống và cũng không nhờ hai bên gia đình hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Đến nay chị H xét thấy tình cảm không còn và xin ly hôn anh D.

Anh D đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa để trình bày về quan điểm của mình. Việc anh D không đến Tòa làm việc thể hiện thái độ không hợp tác gây khó khăn cho chị H trong việc giải quyết ly hôn, nếu thực sự anh D muốn vợ chồng về đoàn tụ thì sẽ tìm gặp chị H và yêu cầu Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Từ tháng 5 năm 2021 đến nay chị H và anh D sống ly thân, trong thời gian sống ly thân cả hai không tìm biện pháp cải thiện tình cảm vợ chồng; vợ chồng mỗi người đều có công việc riêng không quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử chị Đoàn Thị H ly hôn anh Lưu Trung D là phù hợp quy định pháp luật để hai bên ổn định cuộc sống.

[3] **Về quan hệ con chung**: Chị H xác định giữa chị và anh D có 01 con chung là Lưu Gia H, sinh ngày 28/10/2014. Ly hôn chị H xin nhận nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh D không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm về con chung.

Xét thấy: Cháu H hiện đang ở cùng chị H và có quan điểm xin ở với mẹ. Chị H hiện đang làm việc tại Công ty TNHH may mặc M Việt Nam có mức lương và thu nhập ổn định, có thời gian và điều kiện chăm sóc cho con. Do vậy để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Lưu Gia H cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] **Về tài sản chung, nợ chung**: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa trình bày quan điểm về tài sản chung, nợ chung. Nếu sau này anh D có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án hôn nhân gia đình khác.

[5] **Về án phí**: Chị Đoàn Thị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Đoàn Thị H ly hôn với anh Lưu Trung D.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Đoàn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Lưu Gia H, sinh ngày 28/10/2014 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đoàn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0005320 ngày 20/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- UBND phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương;(ĐKKH ngày 24/9/2012).
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu